

Số: /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTHĐND ngày 23/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết các nội dung được giao thuộc Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII (nhiệm kỳ 2026-2031);

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3568/TTr-SGDĐT ngày 12/6/2026 về việc báo cáo hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng*), cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

Ngay sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, thành phố Hải Phòng đã chủ trương xây dựng và ban hành Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn Hải Phòng (cũ). Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Công văn số 7855/VP-VX ngày 30/10/2024 về việc hướng dẫn kinh phí thực hiện Đề án, đồng thời giao Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND.

Kết quả thực hiện về nội dung và mức chi trong năm như sau:

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, tổ chức, đoàn thể và các lực lượng xã hội tại địa phương, gồm: Chi xây dựng; tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát: **273.642.000 đồng**.

2. Chi các nội dung: công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương: **44.580.000 đồng**.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của trung tâm học tập cộng đồng; chi bồi dưỡng cho báo cáo

viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo): **278.710.000 đồng.**

4. Chi công tác điều tra, khảo sát, đánh giá phục vụ xếp loại/công nhận các mô hình học tập; Chi các hoạt động điều tra, khảo sát, tổng hợp số liệu phục vụ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm: **1.933.085.000 đồng.**

5. Chi theo thực tế các khoản tiền điện đối với các lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: **164.753.000 đồng.**

6. Chi theo thực tế các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở hàng năm; chi hỗ trợ tiền học phẩm cho học viên các lớp học xóa mù chữ; chi thù lao người tham gia dạy xóa mù chữ: **1.179.014.000 đồng.**

(Tổng số chi trong năm: 3.873.784.000 đồng)

Việc Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ra đời đã giúp quy định nội dung, mức chi phục vụ, hỗ trợ các hoạt động của Đề án, theo Kế hoạch triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố và là cơ sở giúp cho chính quyền cấp xã và Ban Chỉ đạo các cấp; hệ thống nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục - cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Đề án; Hội Khuyến học các cấp và các tổ chức, đơn vị, lực lượng xã hội tại địa phương tổ chức thực hiện Đề án; là căn cứ cụ thể, rõ ràng để lập dự toán kinh phí hàng năm và tổ chức chi thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp lệ khác. Thực tế những năm qua cho thấy Nghị quyết đã phát huy tác dụng, bảo đảm sự chủ động về kinh phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong quá trình triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn thành phố.

Các quy định về nội dung, mức chi cơ bản đã phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và điều kiện kinh tế - xã hội thành phố; sát thực với các hoạt động của Đề án tại cơ sở. Nghị quyết giúp thực hiện các khoản kinh phí cho điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu; kinh phí cho mở các lớp PCGD, XMC; nâng cao kiến thức cho nhân dân tại các Trung tâm học tập cộng đồng ở địa phương; chi phí cho các Hội nghị chuyên môn, sơ kết, tổng kết có liên quan và công tác tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ, nhân viên, người lao động.

Tuy nhiên quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND trên địa bàn Hải Phòng (cũ) cũng cho thấy cần có sự thống nhất hơn về một số nội dung và mức chi cho các hoạt động cụ thể tại các địa phương; nhiều định mức chi quy định hoặc được viện dẫn tại Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND, theo thời gian đã có sự thay đổi; công tác lập và chấp hành dự toán tại nhiều địa phương, đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời; sự chênh lệch về kinh phí chi thực tế hàng năm so với dự kiến ban đầu, cùng việc bộ máy nhân sự, Ban chỉ đạo các cấp, ngành bị thiếu về số lượng, chưa đồng đều về chất lượng cũng làm giảm hiệu quả thực hiện Đề án.

II. Cơ sở đề xuất ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo Điểm 1, 2 - Mục I đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Xây dựng xã hội học tập, khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua trong Nhân dân và trong toàn xã hội về học tập, tự học tập, học tập không ngừng, học tập suốt đời vì sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì tương lai của dân tộc.”*; Điểm 6 - Mục I: hướng đến *“....xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời”*.

Nghị quyết xác định mục tiêu đến năm 2030; mục tiêu đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đặt ra yêu cầu *“Hệ thống giáo dục và đào tạo tiếp tục được hiện đại hóa, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng. Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương”*; *“Mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nâng cao trình độ, kỹ năng và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân.”*.

Chỉ thị 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; Quyết định số 525/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, trong đó tại Điểm a) - Nội dung 1 - Mục II - Mục tiêu tổng quát, cũng đã xác định: *“Bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội công bằng, bình đẳng về việc tiếp cận giáo dục trong hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại. Tất cả công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện”*.

Như vậy, có thể thấy Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Trung ương và Chỉ thị 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị đã tiếp tục khẳng định việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam có tính kế thừa, đồng thời hướng đến những mục tiêu cụ thể trong tương lai, trong đó có vai trò quan trọng của việc phổ cập giáo dục, thúc đẩy học tập suốt đời, tạo cơ hội và bình đẳng cho người học, xây dựng xã hội học tập; cho thấy có sự tương đồng và nhấn mạnh các mục tiêu và nội dung đã nêu cần triển khai thực hiện của Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, ban hành theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Điểm b, c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách,

đầu tư và thực hiện liên kết vùng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; ...*” (điểm b); “*quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*” (điểm c).

- Điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

- Điểm b, c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung số 87/2025/QH15): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*” (điểm b); “*Biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương*” (điểm c).

- Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” ban hành theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó: Tại Mục IV - Kinh phí thực hiện Đề án quy định: “*Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác*”. Về triển khai thực hiện kinh phí, tại Điểm 14 - Mục V- Tổ chức thực hiện Đề án, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ Bộ Tài chính: “*Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và địa phương bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm và hướng dẫn cơ chế tài chính triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước*”.

- Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, trong đó: Tại Mục 3 - Điều 6. Tổ chức thực hiện có nêu: “*Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân lập dự toán chi cho việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.*”

Như vậy, theo các quy định nêu trên, việc đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng là có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Trước khi hợp nhất, việc triển khai nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” tại các tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ) được thực hiện theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023.

Tại tỉnh Hải Dương (trước đây) việc chi thực hiện Đề án vận dụng theo các quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Sau khi hợp nhất hai địa phương, Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp với thành phố Hải Phòng trong tình hình hiện nay và cần được xây dựng mới, trong khi các nội dung chi của Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố, sau sáp nhập vẫn đang được triển khai, thực hiện. Tuy nhiên việc áp dụng các quy định về nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” có sự khác nhau giữa các địa phương, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (trước đây) dẫn đến sự thiếu thống nhất trên phạm vi toàn thành phố.

2.2. Về nội dung, mức chi thực hiện Đề án quy định tại Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) đã có những thay đổi ở một số văn bản dẫn chiếu, cụ thể:

- Khoản 1, Điều 2 - Nội dung, mức chi, Nghị quyết có dẫn chiếu đến Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố, nay đã được thay thế bằng các quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Tại Khoản 2; Mục a), Khoản 4 và Mục d), Khoản 6 thuộc Điều 2 - Nội dung, mức chi có dẫn chiếu đến Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị sử dụng ngân sách địa phương, đã được thay thế bằng các quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (sau sáp nhập) quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị sử dụng ngân sách địa phương;

- Khoản 3, Điều 2 - Nội dung, mức chi, Nghị quyết có dẫn chiếu đến Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng (cũ). Hiện Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND đã được thay thế bằng Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng

quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng.

- Mục b), Khoản 4, Điều 2 - Nội dung, mức chi, Nghị quyết có dẫn chiếu đến Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia. Trong dự thảo Nghị quyết mới được thay thế bằng Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương, quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

2.3. Tại Mục 1 - Điều 3 thuộc Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND nêu: “*Kinh phí bố trí thực hiện Đề án hàng năm dự kiến là: 25,0 tỷ đồng/năm*”. Nội dung này không còn phù hợp với thành phố sau khi sáp nhập như hiện nay và trong giai đoạn tiếp theo.

Với các căn cứ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để triển khai thống nhất về nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố, bảo đảm phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành của Trung ương; đồng thời các cơ quan, đơn vị và địa phương có căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện đúng, đủ và kịp thời về nội dung và mức chi của Đề án, bảo đảm quyền lợi, chế độ, chính sách cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan; việc Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết ban hành làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trong việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ liên quan đến Đề án được triển khai trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ nay đến năm 2030.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; quy định của Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

- Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách và tình hình thực tế của thành phố, đồng thời, đảm bảo nhiệm vụ phù hợp chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của thành phố Hải Phòng.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Sau khi hợp nhất thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (trước đây), để tiếp tục triển khai các nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố, từ nay đến năm 2030; trên cơ sở tổng hợp ý kiến đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan; Sở Tư pháp đã có các Công văn số 192/STP-XDVB ngày 14/01/2026; 380/STP-XDVB ngày 27/01/2026 gửi Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất danh mục xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trong năm 2026.

2. Ngày 10/02/2026 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Tờ trình số 67/TTr-UBND gửi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, về việc phê duyệt danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết và nội dung được giao quy định;

3. Ngày 23/3/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTHĐND về việc ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết các nội dung được giao;

4. Triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTHĐND ngày 23/3/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 3230/VP-NC ngày 27/3/2026 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các Sở, ngành liên quan, về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết các nội dung được giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTHĐND ngày 23/3/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố, trong đó có nội dung tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng và giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm chất lượng, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5. Ngày 15/5/2026, Sở Tư pháp có báo cáo số 150/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Ngày 12/6/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 3568/TTr-SGDĐT về việc báo cáo hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Như vậy, việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn

2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung và mức chi

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Điểm mới của dự thảo Nghị quyết

2.1. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố có sự thay đổi:

- Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố là *Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

- Dự thảo Nghị quyết mới (thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND) là *Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

2.2. Về các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu:

Dự thảo Nghị quyết mới thay thế toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại *Điều 2. Nội dung, mức chi* của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND.

2.3. Về nội dung và mức chi: Tại Điểm b), khoản 4, *Điều 2 - Nội dung, mức chi* của Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND có quy định nội dung và định mức: “*Chi cho đối tượng cung cấp thông tin*”; Tại dự thảo Nghị quyết mới, thực hiện theo Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương, không có khoản chi này.

2.4. Về số Điều quy định trong Dự thảo Nghị quyết mới

Dự thảo Nghị quyết mới gồm 05 Điều, bổ sung thêm 01 Điều so với Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND, đó là *Điều 4. Hiệu lực thi hành*

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

3.1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết này không áp dụng đối với các Đề án nêu tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

3.1.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3.2. Nội dung và mức chi

3.1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3.2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết ở các cấp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương.

3.3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng.

3.4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương;

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3.5. Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

3.6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

b) Chi ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm, nếu có): Thanh toán theo chi phí và thời gian học thực tế, mức tối đa 250.000 đ/lớp/tháng; chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập: Thanh toán theo hóa đơn thực tế, mức tối đa 150.000 đ/lớp/kỳ học; chi mua sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp phổ cập, xóa mù chữ ban đêm: Đơn vị tổ chức trang bị/mua cho học viên theo dự toán được phê duyệt, đảm bảo đủ sách, tài liệu cho mỗi học viên tương ứng với chương trình học/kỳ học/năm học. Mức chi thực tế theo giá thị trường tại thời điểm mua và có chứng từ hợp pháp. Khuyến khích việc bảo quản, lưu trữ tại tủ sách đơn vị đối với sách giáo khoa, tài liệu có thể sử dụng lại nhiều lần;

c) Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ (nếu có): Hỗ trợ Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cấp xã nơi học viên lớp xóa mù chữ cư trú mức 360.000 đ/học viên/kỳ học hoàn thành;

d) Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (nếu có): Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-

HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị sử dụng ngân sách địa phương.

3.7. Những nội dung và mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC.

3.8. Trong trường hợp cùng đối tượng, cùng nội dung mà có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng mức cao nhất.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí thực hiện được thành phố giao trong dự toán ngân sách hàng năm là: 17,8 tỷ đồng/năm.

Riêng năm 2030 là năm tổng kết Đề án, kinh phí dự kiến là: 21,8 tỷ đồng.

(Chi tiết theo các biểu Phụ lục I, II)

2. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm sử dụng nguồn nhân lực hiện có; không phát sinh thêm bộ máy, biên chế; không phát sinh thủ tục hành chính; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

3. Nguồn lực và điều kiện thi hành

a. Dự kiến nguồn lực: Nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách thành phố hàng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo

b. Điều kiện bảo đảm thi hành Văn bản và thời gian thông qua: Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố vào Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII (nhiệm kỳ 2026-2031).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Các tài liệu gửi kèm theo

- Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng *(thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*;

- Báo cáo số 2493/SGDĐT-GDĐT, GDNN&ĐH ngày 08/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Báo cáo số 2492/BC-SGDĐT ngày 08/5/2026 tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Các ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết; Ý kiến góp ý, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;

- Báo cáo số 150/BC-STP ngày 15/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- CPVP UBND TP;
- Các Phòng: VX, TC, TH, NV&KTGS;
- Các Sở: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Lưu: VT, L.Th. Hiền.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Tiến Phụng

Phụ lục I: Dự kiến chi kinh phí hằng năm thực hiện Đề án
“Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
A	CHI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRONG 01 NĂM (không tính các Đề án tại Phụ lục kèm theo QĐ)				14.476.000.000
I	Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức tuần lễ Hướng ứng học tập suốt đời hàng năm (Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng.)				850.800.000
1	Xây dựng; tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát (Công tác XD XHHT và Tuần lễ hướng ứng HTSD; PCGD, XMC; các mô hình học tập)				381.600.000
	- Cấp thành phố	3 Đề cương	1.800.000	01	5.400.000
	- Cấp xã	3 Đề cương	1.100.000	114	376.200.000
2	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				364.200.000
	- Cấp thành phố	3 CTr, Kế hoạch	1.700.000	01	5.100.000
	- Cấp xã	3 CTr, Kế hoạch	1.050.000	114	359.100.000
3	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến				900.000

	Cấp thành phố	3 Báo cáo	300.000	01	900.000
4	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, kế hoạch Tuần lễ				104.100.000
	- Cấp thành phố	3 Văn bản	500.000	01	1.500.000
	- Cấp xã	3 Văn bản	300.000	114	102.600.000
II	Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương (<i>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương</i>). 1. Công tác phí: - Cá nhân (thuộc cấp thành phố, cấp xã) đi công tác ngoại tỉnh, nội tỉnh trên địa bàn thành phố theo triệu tập/giấy mời của Bộ GD&ĐT, TW Hội Khuyến học, các cơ quan cấp trên, Sở GD&ĐT... cho các mục đích tham quan, học tập kinh nghiệm mô hình trong nước, sơ kết đánh giá, tổng kết, hội họp, kiểm tra,... : đơn vị có cá nhân tham gia chi thanh toán công tác phí trong ngân sách chi thường xuyên được bố trí hàng năm 2. Chi các cuộc họp, hội nghị: ước thực hiện 2 lần/ năm đối với cấp thành phố; 5 lần/năm đối với cấp xã, cụ thể: - Cấp thành phố: hội nghị triển khai và hội nghị tổng kết, đánh giá; - Cấp xã hàng năm cho những nội dung: hướng dẫn triển khai; họp 3 tháng đầu năm; họp sơ kết 6 tháng và triển khai việc điều tra lấy số liệu; họp sơ kết 9 tháng; họp tổng kết, đánh giá cuối năm, theo giai đoạn ở các cấp cho chương trình, đề án... - Tùy theo từng Sở, ngành thành phố, UBND xã/phường/đặc khu, việc tổ chức Hội nghị được thực hiện theo các hình thức trực tiếp/trực tuyến				1.770.000.000

1	Chi hội nghị phí				1.770.000.000
	- Cấp thành phố (02 Hội nghị/năm)	02 Hội nghị	30.000.000	01	60.000.000
	- Cấp xã (05 cuộc họp/năm/đơn vị cấp xã)	05 Cuộc họp	3.000.000	114 x/ph/đk	1.710.000.000
2	Chi công tác phí cho kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án trên địa bàn thành phố; địa bàn xã, phường, đặc khu bất kỳ thuộc (nếu có)				0
	- Cấp thành phố	Ngân sách chi sự nghiệp			0
	- Cấp xã	Ngân sách đơn vị cấp xã			0
III	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của trung tâm học tập cộng đồng; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo) (Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng). - Thực hiện cho 2 nội dung dưới hình thức hội nghị tập huấn đối với cán bộ làm công tác quản lý,				1.200.000.000

	điều hành, thực hiện PCGD, XMC, công tác XD XHHT và nội dung đánh giá các mô hình học tập ở cấp thành phố và cấp xã dưới hình thức tập huấn. Cụ thể: +) Chi bồi dưỡng, tập huấn cấp thành phố: +) Chi đào tạo, bồi dưỡng ở cấp xã: - Chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng xã/phường/đặc khu - Chi bồi dưỡng báo cáo viên/hướng dẫn viên theo hợp đồng: Chi bằng ngân sách của Trung tâm theo dự toán đầu năm trình cơ quan tài chính đồng cấp	02 cuộc tập huấn	30.000.000	1	60.000.000
		02 cuộc tập huấn	5.000.000	114	1.140.000.000
1	Giảng viên, báo cáo viên: Theo định mức và chức danh cụ thể				
2	Tiền công đối với trợ giảng 50% của Giảng viên, báo cáo viên				
3	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: 300.000 đồng/ngày đối với các lớp tổ chức tại các xã, phường; 400.000 đồng/ngày đối với các lớp tổ chức tại đặc khu Cát Hải và Bạch Long Vĩ				

4	Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/học viên				
5	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 400.000 đồng/học viên				
6	Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng: Được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng.				
IV	Chi công tác điều tra, khảo sát, đánh giá phục vụ xếp loại/công nhận các mô hình học tập; Chi các hoạt động điều tra, khảo sát, tổng hợp số liệu phục vụ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm				10.063.708.000
1	Chi xây dựng phương án điều tra nhu cầu học tập; điều tra thu thập minh chứng đánh giá các danh hiệu học tập, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập (<i>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i>).				238.000.000
	- Cơ quan điều tra, khảo sát cấp thành phố	01 Đợt/năm	10.000.000	1	10.000.000

	- Cơ quan điều tra, khảo sát cấp xã	01 Đợt/năm	2.000.000	114	228.000.000
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê				349.000.000
	Cơ quan tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cấp thành phố	01 Đợt/năm	7.000.000	1	7.000.000
	Cơ quan tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cấp xã	01 Đợt/năm	3.000.000	114	342.000.000
3	Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp cấp thẩm quyền				69.750.000
3.1	Cơ quan điều tra, khảo sát cấp thành phố	03 nội dung/năm	450.000	1	1.350.000
3.2	Cơ quan điều tra, khảo sát cấp xã	03 nội dung/năm	200.000	114	68.400.000
4	Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, in mua sổ tay nghiệp vụ, văn phòng phẩm cho điều tra viên thống kê; in phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê,...: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước				2.560.758.000
4.1	In sổ tay nghiệp vụ, văn phòng phẩm cho điều tra viên thống kê cấp xã	03 người	100.000	114	34.200.000

4.2	In phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê	04 phiếu	500	1.263.279 hộ	2.526.558.000
5	Chi tiền công thuê ngoài thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê (nếu có); tiền chi cho công chức, viên chức điều tra thống kê ngoài giờ hành chính; chi nhập dữ liệu từ phiếu điều tra giấy (<i>chi không quá 250 đ/trường dữ liệu</i>)	2 lượt người/ thôn, tổ dân phố	200.000 đ /ngày x 5 ngày	3.086 thôn/tổ dp	6.172.000.000
6	Chi tiền công chức văn phòng - thống kê cấp xã rà soát, lập danh sách; thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê (nếu có)	1 lượt người/ thôn, tổ dân phố	100.000 đ /ngày x 2 ngày	3.086 thôn/tổ dp	617.200.000
7	Chi tiền công chức văn phòng - thống kê cấp xã tổng hợp số liệu điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, báo cáo, chỉnh sửa, phúc tra số liệu thống kê	2 lượt người x 2 giờ/ngày x 5 ngày	25.000 đ/giờ	114	57.000.000
V	Chi tiền điện đối với các lớp học tại trung tâm học tập cộng đồng ban đêm (nếu có), chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng				(Theo thực tế)
1	Chi tiền điện đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; các lớp học phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban đêm trên địa bàn thành phố (nếu có): Thanh toán bằng kinh phí dự toán hàng năm theo hóa đơn thực tế phát sinh trên cơ sở tính toán, phân bổ thời gian thực học trong tháng của các lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; các lớp học không thu phí người học tại các trung tâm học tập cộng đồng.	Thanh toán theo hóa đơn thực tế			(Theo thực tế)

2	Chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các trung tâm học tập cộng đồng: Thanh toán theo dự toán và hóa đơn thực tế phát sinh trong kinh phí dự toán hàng năm của trung tâm;	Thanh toán theo hóa đơn thực tế			(Theo thực tế)
VI	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục				(Theo thực tế)
1	Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở hàng năm: Tính chung 1 lần/năm cùng với chi phí điều tra nhu cầu học tập của xã hội và điều tra thu thập minh chứng đánh giá các danh hiệu học tập đến các hộ dân trên địa bàn (<i>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i>).			Ước tính có 263.279 hộ gia đình	(Tính chung với điều tra tại mục V)
2	Chi hỗ trợ chung đối với học viên các lớp học xóa mù chữ tiền học phẩm theo năm học theo thực tế phát sinh (Giấy, cặp, bút, tẩy, com-pa, thước kẻ, dao kéo, hồ dán, giấy màu thủ công, bìa đóng vở học sinh...) (<i>Danh mục học phẩm thực hiện tại Thông tư LT 109/2009/TTLT-BTC-BGDDT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ TC-GDĐT</i>)	Thanh toán theo thực tế giá trị tiền mua học phẩm và số học viên/năm học là người mù chữ ra lớp học (nếu có)			(Theo thực tế)
3	Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm; chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ				

3.1	Chi hỗ trợ mua sổ sách cho giáo viên theo dõi quá trình học tập của các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm (nếu có): Theo hóa đơn thực tế	01 lớp/kỳ học	< 150.000 đ		(Theo số lớp và học kỳ học thực tế)
3.2	Chi hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm (với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm - nếu có)	01 lớp/tháng	< 250.000 đ		(Theo thực tế)
3.3	Chi mua sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm (nếu có): Chi theo hóa đơn mua thực tế, đảm bảo đủ sách, tài liệu học cho học viên (ngoài số đã cho mượn)	01 bộ sách GK /người/năm học			(Theo thực tế)
3.4	Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ (nếu có):	Thanh toán theo số học viên hoàn thành/kỳ học	360.000 đ/ học viên/kỳ học hoàn thành		(Theo thực tế số người mù chữ/tái mù chữ được huy động và hoàn thành kỳ học)
4	Chi cho người tham gia dạy xóa mù chữ				
4.1	Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập (dạy trong định mức hoặc vượt định mức số giờ chuẩn). (Thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định 204; Thông tư liên tịch số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)		Thanh toán trong kinh phí dự toán ngân sách hàng năm của nhà trường		

4.2	Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo thỏa thuận trong hợp đồng bằng với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. <i>(Thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định 204; Thông tư liên tịch số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>	Theo thực tế số giáo viên tình nguyện được ký hợp đồng	
4.3	Trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí <i>(Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)</i>	Theo số tình nguyện viên tham gia được chấp nhận và điều kiện thực tế công tác	
B	DỰ KIẾN KINH PHÍ CHI 01 NĂM THEO PHÂN CẤP		14.476.000.000
	Ước tổng kinh phí chi trong 1 năm: - Số chi theo định mức: - Số chi theo thực tế (chi lớp học ban đêm, công tác phí, TT HTCD, hỗ trợ ...):		13.884.508.000 591.492.000
	Phân cấp ngân sách: - Ngân sách thành phố: - Ngân sách chi tại cấp xã:		210.000.000 14.266.000.000

C	DỰ KIẾN KINH PHÍ CHI TỔNG KẾT ĐỀ ÁN VÀO NĂM 2030				3.620.000.000
1	Chi Hội nghị tổng kết; chi khen thưởng Đề án toàn thành phố vào năm 2030				200.000.000
2	Chi Hội nghị tổng kết; khen thưởng Đề án của xã/phường/đặc khu năm 2030				3.420.000.000
	- Chi Hội nghị tổng kết Đề án năm 2030; - Chi khen thưởng theo Quyết định; - Chi các nội dung khác cho HN ở cấp xã	Xã/phường/đặc khu	114	30.000.000 đ	3.420.000.000
3	Chi công tác tuyên truyền; tiền làm ngoài giờ phục vụ HN tổng kết				380.000.000
	Cấp thành phố				38.000.000
	Các xã, phường, đặc khu	Xã/phường/đặc khu	114	3.000.000 đ	342.000.000

Phụ lục II: Dự kiến kinh phí hằng năm thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2021-2030” và Đề án “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030”), Ban hành tại Phụ lục Danh mục các Đề án thành phần kèm theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2026 của UBND thành phố)

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
I	Chi triển khai, kiểm tra, đánh giá các mô hình học tập				
1	Cấp thành phố (xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp)	Năm	50.000.000	1	50.000.000
2	Cấp xã (triển khai, rà soát, đánh giá hàng năm)	Xã	3.000.000	114	342.000.000
	Cộng I				392.000.000
II	Chi hỗ trợ tình nguyện viên, lực lượng tham gia tại cơ sở				
1	Hỗ trợ thu thập thông tin, hướng dẫn đăng ký các mô hình học tập (gia đình, dòng họ, công dân học tập...)	Người /ngày	200.000	5.000 lượt	1.000.000.000
	Cộng II				1.000.000.000
III	Chi tổ chức phong trào khuyến học, khuyến tài				
1	Cấp thành phố (phát động, tuyên dương, nhân rộng mô hình)	Năm	100.000.000	1	100.000.000
2	Cấp xã	Xã	3.000.000	114	342.000.000
	Cộng III				442.000.000
IV	Chi tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Hội				
1	Cấp thành phố (02 lớp)	Lớp	20.000.000	2	40.000.000
2	Cấp xã (triển khai nghiệp vụ, hướng dẫn đánh giá mô hình)	Xã	5.000.000	114	570.000.000
	Cộng IV				610.000.000
V	Chi tập huấn, triển khai phần mềm “Công dân học tập”				
1	Tổ chức tập huấn cấp thành phố tại cơ sở (04 cuộc)	Cuộc	20.000.000	4	80.000.000

2	Hỗ trợ lực lượng tham gia (tình nguyện viên, công an, tổ dân phố)	Người /ngày	200.000	3.000 lượt	600.000.000
	Cộng V				680.000.000
VI	Chi xây dựng, nhân rộng mô hình điểm				
1	Hỗ trợ mô hình tiêu biểu cấp thành phố	Năm	200.000.000	1	200.000.000
	Cộng VI				200.000.000
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				3.324.000.000